

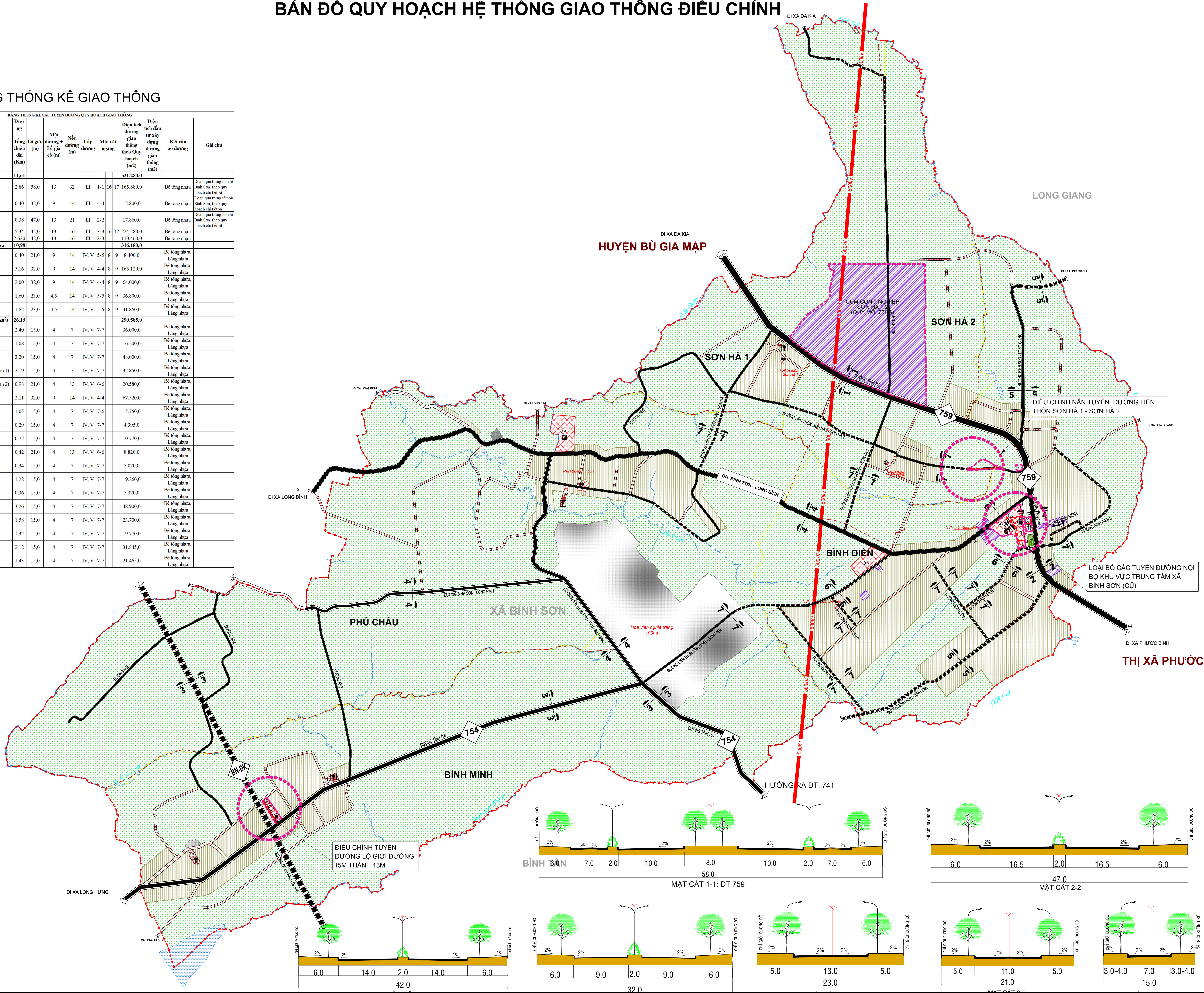
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ BÌNH SƠN, HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC (CŨ) ĐẾN NĂM 2035

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐIỀU CHỈNH

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG QUY HOẠCH GIAO THÔNG											
TT	TÊN ĐƯỜNG	Du ng T o n g (Km)	L e g i o i (m)	M à t đ u ơ n g (m)	N h à đ u ơ n g (m)	C ấp đ u ơ n g	M à t c ắt n g u ơ n g	Di ện t ích đ i a đ i m g i a o n g (m ²)	Di ện t ích đ i a đ i m g i a o n g (m ²)	K ết c áu đ u ơ n g	G hi c h ú
I Đường giao thông tỉnh lộ		11,61						531.280,0			
1	Đường tỉnh 759 (Đoạn 1)	2,86	58,0	13	32	III	1-1	16	165.880,0	Bề tổng nhựa	Đoạn qua trung tâm xã Bình Sơn, theo quy hoạch cũ mới sử
2	Đường tỉnh 759 (Đoạn 2)	0,40	52,0	9	14	III	4-4		12.800,0	Bề tổng nhựa	Đoạn qua trung tâm xã Bình Sơn, theo quy hoạch cũ mới sử
3	Đường tỉnh 759 (Đoạn 3)	0,38	47,0	13	21	III	2-2		17.860,0	Bề tổng nhựa	Đoạn qua trung tâm xã Bình Sơn, theo quy hoạch cũ mới sử
4	Đường tỉnh 754	5,34	42,0	13	16	III	3-3	16	224.280,0	Bề tổng nhựa	
5	Đường tỉnh Bà Nho - Đa Kì	2,630	42,0	13	16	III	3-3		110.460,0	Bề tổng nhựa	
II Đường giao thông huyện và đường liên xã		10,98						316.180,0			
1	ĐH. Bình Sơn - Long Bình (Đoạn 1)	0,40	21,0	9	14	IV, V	5-5	8	8.400,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
2	ĐH. Bình Sơn - Long Bình (Đoạn 2)	5,16	32,0	9	14	IV, V	4-4	8	165.120,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
3	Đường Bình Sơn - Long Bình	2,00	32,0	9	14	IV, V	4-4	8	64.000,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
4	Đường Bình Sơn - Long Giang	1,60	23,0	4,5	14	IV, V	5-5	8	36.800,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
5	Đường Bình Sơn - Bình Tân	1,82	23,0	4,5	14	IV, V	5-5	8	41.860,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
III Đường giao thông liên thôn, đường sản xuất		26,13						290.585,0			
1	Đường liên thôn Sơn Hà 1 - Sơn Hà 2	2,40	15,0	4	7	IV, V	7-7		36.000,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
2	Đường liên thôn Bình Điền - Sơn Hà 1	1,08	15,0	4	7	IV, V	7-7		16.200,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
3	Đường liên thôn Phú Châu - Sơn Hà 1	3,20	15,0	4	7	IV, V	7-7		48.000,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
4	Đường liên thôn Bình Minh - Bình Điền (Đoạn 1)	2,19	15,0	4	7	IV, V	7-7		32.850,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
5	Đường liên thôn Bình Minh - Bình Điền (Đoạn 2)	0,98	21,0	4	13	IV, V	6-6		20.580,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
6	Đường liên thôn Phú Châu - Bình Minh	2,11	32,0	9	14	IV, V	4-4		67.520,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
7	Đường Bình Điền 1	1,05	15,0	4	7	IV, V	7-6		15.750,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
8	Đường Bình Điền 2	0,29	15,0	4	7	IV, V	7-7		4.395,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
9	Đường Bình Điền 3	0,72	15,0	4	7	IV, V	7-7		10.770,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
10	Đường Bình Điền 4 (Đoạn 1)	0,42	21,0	4	13	IV, V	6-6		8.820,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
11	Đường Bình Điền 4 (Đoạn 2)	0,34	15,0	4	7	IV, V	7-7		5.070,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
12	Đường Bình Điền 5	1,28	15,0	4	7	IV, V	7-7		19.260,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
13	Đường Bình Điền 6	0,36	15,0	4	7	IV, V	7-7		5.370,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
14	Đường ND1	3,26	15,0	4	7	IV, V	7-7		48.900,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
15	Đường ND2	1,58	15,0	4	7	IV, V	7-7		23.700,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
16	Đường ND3	1,32	15,0	4	7	IV, V	7-7		19.770,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
17	Đường ND4	2,12	15,0	4	7	IV, V	7-7		31.845,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	
18	Đường ND5	1,43	15,0	4	7	IV, V	7-7		21.465,0	Bề tổng nhựa, Láng nhựa	



GHI CHÚ:		Các giai đoạn quy hoạch		Ghi chú	
STT	Tên ký hiệu	Hiện trạng	Năm 2030	Năm 2035	
PHÂN HIỆN TRẠNG, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐỐI VỚI QUY HOẠCH XÂY DỰNG CỘNG XÃ					
I	Đất nông nghiệp				
	- Đất trồng trọt khác				
	- Đất nuôi trồng thủy sản				
	- Đất nông nghiệp khác				
II	Đất xây dựng				
	- Đất ở				
	- Đất công cộng				
	- Đất cây xanh, thể dục thể thao				
	- Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền				
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề				
	- Đất kho bãi, bãi đỗ xe				
	- Đất xây dựng các công trình khác				
	- Đất hạ tầng kỹ thuật				
	- Đất xã hội, văn hóa, thể thao, y tế				
III	Đất khác				
	- Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng				
	- Đất chưa sử dụng				
	- Đất rừng phòng hộ, an ninh				

NHÓM ĐẤT/ LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG	ĐÓT ĐÁU	ĐẠI HẠN
ĐƯỜNG TỈNH	---	---	---
ĐƯỜNG HUYỆN	---	---	---
ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC	---	---	---
ĐƯỜNG CHÍNH KHU VỰC	---	---	---

- * Nét đứt: đường xây dựng mới
* Nét liền: đường nâng cấp mở rộng
- GHI CHÚ:
- ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (CHUYỂN THÀNH TRẠM Y TẾ)
 - TRẠM Y TẾ XÃ
 - TRƯỜNG TIỂU HỌC
 - TRƯỜNG THCS
 - TRƯỜNG MẪU GIÁO
 - CHÙA HẢI ĐỨC
 - CHÙA LONG SƠN
 - NHÓM HỒ TÍN LÀNH SƯỜI MINH
 - GIÁO HỒ SƯỜI MINH
 - CÔNG AN (BỘ CHUYỂN THÀNH ĐẤT NÔNG NGHIỆP)
 - BƯU ĐIỆN (CHUYỂN THÀNH TRỤ SỞ VĂN HÓA)
 - TRƯỜNG DẠY NGHỀ
 - KHU DỊCH VỤ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN
 - ĐÀI TƯỜNG NIỆM

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2026

CƠ QUAN TỜ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2026

CÔNG TRÌNH: ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ BÌNH SƠN, HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC (CŨ) ĐẾN NĂM 2035
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐIỀU CHỈNH

BẢN VẼ: QH-02 GHEP: 1x40 TỶ LỆ: FIT NGÀY:/...../2026

THIẾT KẾ: KTS. TRẦN QUỐC LUÂN

CHỦ TRÌ: KTS. ĐANG THỊ NGỌC DUY

CHỦ NHIỆM: KTS. NGUYỄN HOÀNG NHÂN

TRƯỞNG PHÒNG: KS. HỒ CÔNG QUÂN

QL.KỸ THUẬT: KS. HỒ CÔNG QUÂN

GIAM ĐOC:

KTS. NGUYỄN HOÀNG NHÂN

C.TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG FACOM
ĐỊA CHỈ: Đ. NGUYỄN THỊ MINH KHAI, P. BÌNH PHƯỚC, TP. ĐỒNG NAI
ĐIỆN THOẠI: 02716 500005 EMAIL: KIENTRUC.FACOM@GMAIL.COM